

2. Khóa 2018 - 2022: 20 sinh viên

- Ngành Quản trị kinh doanh: 03 sinh viên.
- Ngành Du lịch: 07 sinh viên.
- Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành: 04 sinh viên.
- Ngành Quản trị khách sạn: 06 sinh viên.

3. Khóa 2019-2023: 35 sinh viên

- Ngành Du lịch: 08 sinh viên.
- Ngành Du lịch điện tử: 01 sinh viên.
- Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành: 17 sinh viên.
- Ngành Quản trị khách sạn: 07 sinh viên.
- Ngành Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống: 01 sinh viên.
- Ngành Quản trị kinh doanh: 01 sinh viên.

4. Khóa 2020 - 2024: 496 sinh viên

- Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành: 217 sinh viên.
- Ngành Quản trị kinh doanh: 21 sinh viên.
- Ngành Du lịch: 45 sinh viên.
- Ngành Quản trị khách sạn: 152 sinh viên.
- Ngành Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống: 36 sinh viên.
- Ngành Du lịch điện tử: 07 sinh viên.
- Ngành Quản trị du lịch và khách sạn: 18 sinh viên.

(Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Chánh Văn phòng Đại học Huế; Trưởng Ban Đào tạo và Công tác sinh viên; Hiệu trưởng Trường Du lịch - Đại học Huế và các sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, ĐTCTSV, TDL, LTBD.

**GIÁM ĐỐC****Lê Anh Phương**

(Kèm theo Quyết định số: 1025/QĐ-ĐHH ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Giám đốc Đại học Huế)

STT	TT	MSSV	Họ và tên sinh viên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại TN
	Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, khóa 2016 - 2020							
1	1	16D4011254	Trần Thị Thanh Trang	Nữ	01/01/1998	Thừa Thiên Huế	2,79	Khá
	Ngành Quản trị kinh doanh, khóa 2016 - 2020							
2	1	16D4021031	Đinh Thị Hiền	Nữ	01/10/1998	Quảng Ngãi	3,23	Giỏi
	Ngành Quản trị kinh doanh, khóa 2018 - 2022							
3	1	18D4021003	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ	29/04/2000	Thừa Thiên Huế	2,73	Khá
4	2	18D4021004	Nguyễn Thị Phương Anh	Nữ	10/06/2000	Thừa Thiên Huế	3,06	Khá
5	3	18D4021027	Nguyễn Đôn Minh Đạt	Nam	02/11/2000	Thừa Thiên Huế	2,72	Khá
	Ngành Du lịch, khóa 2018 - 2022							
6	1	18D4041019	Nguyễn Thị Hoàng Diệu	Nữ	25/01/2000	Quảng Nam	2,71	Khá
7	2	18D4041031	Phan Thị Diệu Hào	Nữ	23/08/2000	Thừa Thiên Huế	2,89	Khá
8	3	18D4041133	Nguyễn Thị Diệu Phương	Nữ	17/12/2000	Thừa Thiên Huế	3,08	Khá
9	4	18D4041167	Trần Thị Thúy	Nữ	10/04/2000	Quảng Nam	2,99	Khá
10	5	18D4041182	Nguyễn Trần Bảo Trân	Nữ	27/07/2000	Thừa Thiên Huế	2,78	Khá
11	6	18D4041196	Nguyễn Thị Thu Uyên	Nữ	12/11/2000	Thừa Thiên Huế	2,83	Khá
12	7	18D4041204	Trần Thị Thúy Yên	Nữ	18/11/2000	Quảng Nam	2,89	Khá
	Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, khóa 2018 - 2022							
13	1	18D4011023	Lê Ngọc Ánh	Nữ	25/06/2000	Thừa Thiên Huế	3,21	Giỏi
14	2	18D4011250	Lê Thị Kiều Hương	Nữ	24/08/1999	Thừa Thiên Huế	3,33	Giỏi
15	3	18D4011282	Nguyễn Đức Xuân Lân	Nam	25/05/2000	Quảng Nam	3,01	Khá
16	4	18D4011532	Lê Thị Kim Thảo	Nữ	06/06/2000	Thừa Thiên Huế	2,89	Khá
	Ngành Quản trị khách sạn, khóa 2018 - 2022							
17	1	18D4051025	Nguyễn Thị Hải Châu	Nữ	17/01/2000	Thừa Thiên Huế	3,12	Khá
18	2	18D4051033	Đỗ Thị Dung	Nữ	20/11/2000	Thừa Thiên Huế	2,89	Khá
19	3	18D4051052	Lê Thị Bảo Hà	Nữ	09/09/2000	Quảng Trị	2,80	Khá

STT	TT	MSSV	Họ và tên sinh viên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại TN
20	4	18D4051195	Phan Thị Đoán	Ni	Nữ	07/10/2000	Thừa Thiên Huế	2,68	Khá
21	5	18D4051253	Nguyễn Văn Bảo	Thiện	Nam	13/10/1999	Quảng Bình	2,46	Trung bình
22	6	18D4051306	Lê Trần Thanh	Trúc	Nữ	18/04/2000	Quảng Nam	2,67	Khá
Ngành Du lịch, khóa 2019 - 2023									
23	1	19D4041120	Lê Công	Hiếu	Nam	02/01/2001	Quảng Trị	2,91	Khá
24	2	19D4041162	Võ Đại	Khánh	Nam	01/01/2001	Thừa Thiên Huế	3,13	Khá
25	3	19D4041214	Nguyễn Thị	Ly	Nữ	20/04/2001	Thừa Thiên Huế	3,03	Khá
26	4	19D4041263	Lê Quang	Nhật	Nam	13/11/2001	Thừa Thiên Huế	2,85	Khá
27	5	19D4041295	Lê Thị	Oanh	Nữ	02/01/2001	Thừa Thiên Huế	2,63	Khá
28	6	19D4041342	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	29/03/2001	Thừa Thiên Huế	3,44	Giỏi
29	7	19D4041386	Trần Anh	Thư	Nữ	21/03/2001	Thừa Thiên Huế	3,11	Khá
30	8	19D4041455	Nguyễn Quang	Tuệ	Nam	26/03/2001	Thừa Thiên Huế	2,83	Khá
Ngành Du lịch điện tử, khóa 2019 - 2023									
31	1	19D4071043	Lê Viết	Vinh	Nam	30/12/2001	Thừa Thiên Huế	2,90	Khá
Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, khóa 2019 - 2023									
32	1	19D4011053	Huỳnh Thị	Cương	Nữ	14/03/2001	Quảng Nam	3,22	Giỏi
33	2	19D4011097	Kim Thị Mỹ	Duyên	Nữ	13/02/2001	Thừa Thiên Huế	3,21	Giỏi
34	3	19D4011165	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	11/01/2001	Thừa Thiên Huế	3,29	Giỏi
35	4	19D4011182	Bùi Thị	Hoa	Nữ	18/01/2001	Thừa Thiên Huế	3,17	Khá
36	5	19D4011193	Nguyễn Đình	Hoàng	Nam	24/10/2001	Thừa Thiên Huế	3,28	Giỏi
37	6	19D4011239	Trương Thị Thanh	Huyền	Nữ	24/01/2001	Thừa Thiên Huế	3,11	Khá
38	7	19D4011243	Nguyễn Thị Kim	Kha	Nữ	14/07/2001	Thừa Thiên Huế	3,41	Giỏi
39	8	19D4011267	Dương Thị	Lệ	Nữ	18/10/2001	Thừa Thiên Huế	3,06	Khá
40	9	19D4011293	Trần Thị Mỹ	Linh	Nữ	16/05/2001	Quảng Nam	3,32	Giỏi
41	10	19D4011346	Lê Hoàng Thị Trà	My	Nữ	01/02/2001	Thừa Thiên Huế	3,46	Giỏi
42	11	19D4011439	Hồ Thị Cẩm	Nhung	Nữ	14/11/2001	Thừa Thiên Huế	3,14	Khá
43	12	19D4011640	Trần Thị Thủy	Tiên	Nữ	08/01/2001	Thừa Thiên Huế	2,89	Khá
44	13	19D4011643	Nguyễn Lê Minh	Tiến	Nam	27/09/2001	Thừa Thiên Huế	3,12	Khá
45	14	19D4011663	Lê Thị	Trang	Nữ	26/05/2001	Nghệ An	3,25	Giỏi
46	15	19D4011726	Nguyễn Thị Diệu	Uyên	Nữ	07/07/2001	Thừa Thiên Huế	3,39	Giỏi
47	16	19D4011740	Nguyễn Thị Thanh	Vân	Nữ	13/09/2001	Quảng Trị	3,21	Giỏi

STT	TT	MSSV	Họ và tên sinh viên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại TN
48	17	19D4011774	Lê Phước	Thịnh	Nam	28/11/2001	Quảng Trị	2,68	Khá
Ngành Quản trị khách sạn, khóa 2019 - 2023									
49	1	19D4051165	Nguyễn Thái Văn	Huy	Nam	26/09/2001	Thừa Thiên Huế	2,50	Khá
50	2	19D4051335	Nguyễn Thị Thuỳ	Nhung	Nữ	04/06/2001	Thừa Thiên Huế	2,72	Khá
51	3	19D4051337	Phạm Thị Hồng	Nhung	Nữ	30/06/2001	Nghệ An	2,57	Khá
52	4	19D4051435	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	20/04/2001	Thừa Thiên Huế	2,89	Khá
53	5	19D4051552	Cao Ngọc	Tuấn	Nam	15/09/2001	Thừa Thiên Huế	2,68	Khá
54	6	19D4051560	Phan Thị Như	Tuyết	Nữ	30/08/2000	Thừa Thiên Huế	2,54	Khá
55	7	19D4051562	Hồ Ngọc Thùy	Uyên	Nữ	13/06/2001	Thừa Thiên Huế	2,39	Trung bình
Ngành Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, khóa 2019 - 2023									
56	1	19D4061128	Tôn Thất Nhật	Tường	Nam	26/02/2001	Thừa Thiên Huế	2,34	Trung bình
Ngành Quản trị kinh doanh, khóa 2019 - 2023									
57	1	19D4021062	Trần Ken	Ny	Nam	06/10/2001	Đà Nẵng	2,66	Khá
Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, khóa 2020 - 2024									
58	1	20D4010001	Nguyễn Thanh	An	Nam	12/08/2002	Thừa Thiên Huế	2,89	Khá
59	2	20D4010008	Nguyễn Thị Minh	Ánh	Nữ	13/07/2002	Thừa Thiên Huế	3,07	Khá
60	3	20D4010011	Huỳnh Thị	Cầm	Nữ	18/12/2002	Thừa Thiên Huế	3,29	Giỏi
61	4	20D4010012	Lê Vũ Bảo	Châu	Nữ	25/08/2002	Thừa Thiên Huế	3,26	Giỏi
62	5	20D4010013	Hồ Phan Bội	Châu	Nam	19/07/2002	Thừa Thiên Huế	2,78	Khá
63	6	20D4010023	Trần Thị Ngọc	Diệp	Nữ	09/05/2002	Thừa Thiên Huế	3,09	Khá
64	7	20D4010026	Trần Văn Vĩnh	Đô	Nam	16/09/2002	Thừa Thiên Huế	3,35	Giỏi
65	8	20D4010032	Trần Tiến	Dũng	Nam	01/08/2001	Quảng Bình	3,46	Giỏi
66	9	20D4010041	Phạm Thị Hồng	Gấm	Nữ	15/02/2002	Thừa Thiên Huế	3,23	Giỏi
67	10	20D4010044	Phạm Thị Lệ	Giang	Nữ	06/12/2002	Quảng Bình	3,37	Giỏi
68	11	20D4010048	Dương Thị An	Giang	Nữ	03/02/2002	Thừa Thiên Huế	3,62	Xuất sắc
69	12	20D4010049	Trần Như Giọng	Gun	Nam	19/12/2002	Thừa Thiên Huế	3,28	Giỏi
70	13	20D4010052	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	15/04/2002	Thừa Thiên Huế	3,22	Giỏi
71	14	20D4010056	Trần Trọng	Hải	Nam	01/12/2002	Thừa Thiên Huế	3,67	Xuất sắc
72	15	20D4010064	Nguyễn Thị Ngọc	Hằng	Nữ	17/02/2002	Thừa Thiên Huế	3,41	Giỏi

STT	TT	MSSV	Họ và tên sinh viên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại TN
73	16	20D4010066	Lê Nguyễn Thanh	Hằng	Nữ	18/11/2002	Đồng Nai	3,61	Xuất sắc
74	17	20D4010073	Phạm Thị Thu	Hiền	Nữ	14/05/2002	Thừa Thiên Huế	3,09	Khá
75	18	20D4010076	Lê Thị Hồng	Hiếu	Nữ	16/05/2002	Thừa Thiên Huế	3,23	Giỏi
76	19	20D4010077	Võ Văn	Hiếu	Nam	26/06/2002	Thừa Thiên Huế	2,91	Khá
77	20	20D4010079	Phạm Thị Ái	Hòa	Nữ	01/01/2002	Quảng Bình	3,54	Giỏi
78	21	20D4010080	Hồ Khắc Minh	Hoàng	Nam	06/11/2002	Thừa Thiên Huế	3,09	Khá
79	22	20D4010087	Đặng Thị Thanh	Hương	Nữ	14/09/2002	Thừa Thiên Huế	3,43	Giỏi
80	23	20D4010091	Lâm Thị Tiểu	Huyền	Nữ	07/02/2002	Kon Tum	3,65	Xuất sắc
81	24	20D4010101	Võ Văn	Khánh	Nam	12/11/2002	Quảng Bình	3,31	Giỏi
82	25	20D4010106	Trần Phi	Kỳ	Nam	17/12/2002	Thừa Thiên Huế	3,55	Giỏi
83	26	20D4010108	Phạm Lê Thanh	Lam	Nữ	30/10/2002	Hồ Chí Minh	3,09	Khá
84	27	20D4010109	Nguyễn Hoàng	Lan	Nữ	18/09/2002	Thừa Thiên Huế	3,26	Giỏi
85	28	20D4010110	Đặng Thị	Lan	Nữ	09/02/2002	Thừa Thiên Huế	3,33	Giỏi
86	29	20D4010114	Lê Thị	Lem	Nữ	27/05/2002	Thừa Thiên Huế	3,51	Giỏi
87	30	20D4010120	Nguyễn Thị Phương	Linh	Nữ	01/09/2001	Quảng Trị	3,56	Giỏi
88	31	20D4010121	Đinh Thị	Linh	Nữ	15/11/2002	Quảng Bình	3,55	Giỏi
89	32	20D4010122	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	29/09/2002	Nghệ An	3,53	Giỏi
90	33	20D4010129	Nguyễn Ngọc Ly	Ly	Nữ	24/12/2001	Thừa Thiên Huế	3,43	Giỏi
91	34	20D4010130	Ngô Thị Cẩm	Ly	Nữ	30/12/2002	Quảng Nam	3,09	Khá
92	35	20D4010131	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	Nữ	02/01/2002	Quảng Trị	3,19	Khá
93	36	20D4010133	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	09/07/2002	Quảng Bình	3,69	Xuất sắc
94	37	20D4010135	Nguyễn Thị Hồng	Mai	Nữ	28/03/2002	Quảng Bình	3,88	Xuất sắc
95	38	20D4010139	Nguyễn Công Nhật	Minh	Nam	18/12/2002	Thừa Thiên Huế	3,30	Giỏi
96	39	20D4010147	Dương Đình Ngọc	My	Nữ	10/02/2002	Thừa Thiên Huế	2,76	Khá
97	40	20D4010148	Đỗ Thị Ái	Mỹ	Nữ	23/07/2002	Quảng Trị	3,63	Xuất sắc
98	41	20D4010149	Phan Thị Như	Mỹ	Nữ	20/08/2001	An Giang	3,64	Xuất sắc
99	42	20D4010158	Lê Minh	Nghĩa	Nữ	25/06/2002	Quảng Trị	3,45	Giỏi
100	43	20D4010165	Hoàng Thị Như	Ngọc	Nữ	12/03/2002	Thừa Thiên Huế	3,45	Giỏi
101	44	20D4010169	Trần Thị Minh	Nguyệt	Nữ	16/09/2002	Thừa Thiên Huế	3,77	Xuất sắc
102	45	20D4010173	Nguyễn Thanh	Nhàn	Nữ	02/06/2002	Thừa Thiên Huế	3,08	Khá

STT	TT	MSSV	Họ và tên sinh viên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại TN
103	46	20D4010174	Đặng Thị Thanh	Nhàn	Nữ	03/07/2002	Thừa Thiên Huế	3,54	Giỏi
104	47	20D4010181	Lê Thị Bình	Nhi	Nữ	06/10/2002	Thừa Thiên Huế	3,92	Xuất sắc
105	48	20D4010190	Võ Thị Yến	Nhi	Nữ	30/08/2002	Thừa Thiên Huế	3,55	Giỏi
106	49	20D4010193	Nguyễn Thị Bảo	Nhi	Nữ	12/06/2002	Thừa Thiên Huế	2,97	Khá
107	50	20D4010195	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	Nữ	02/09/2002	Cà Mau	3,03	Khá
108	51	20D4010199	Hoàng Thị Thanh	Nhung	Nữ	25/02/2002	Thừa Thiên Huế	3,25	Giỏi
109	52	20D4010200	Đoàn Thị Thúy	Nhung	Nữ	20/03/2002	Thừa Thiên Huế	3,08	Khá
110	53	20D4010206	Đoàn Thị Trinh	Nữ	Nữ	22/07/2002	Thừa Thiên Huế	3,55	Giỏi
111	54	20D4010207	Nguyễn Thị Diệu	Ny	Nữ	01/01/2002	Thừa Thiên Huế	3,39	Giỏi
112	55	20D4010209	Nguyễn Thị So	Ny	Nữ	30/04/2001	Quảng Trị	3,71	Xuất sắc
113	56	20D4010210	Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	07/05/2002	Thừa Thiên Huế	3,09	Khá
114	57	20D4010211	Lê Thị Kiều	Oanh	Nữ	25/07/2002	Thừa Thiên Huế	2,99	Khá
115	58	20D4010214	Hoàng Thị	Phụng	Nữ	11/09/2002	Thừa Thiên Huế	3,47	Giỏi
116	59	20D4010219	Nguyễn Thị Thanh	Phương	Nữ	24/09/2002	Thừa Thiên Huế	3,43	Giỏi
117	60	20D4010222	Phạm Thị Mỹ	Phương	Nữ	19/10/2002	Thừa Thiên Huế	3,59	Giỏi
118	61	20D4010226	Trần Vinh	Quang	Nam	09/10/2002	Gia Lai	3,35	Giỏi
119	62	20D4010231	Hồ Thị Ái	Quỳnh	Nữ	10/01/2002	Thừa Thiên Huế	3,58	Giỏi
120	63	20D4010234	Hồ Thị Như	Quỳnh	Nữ	27/11/2002	Thừa Thiên Huế	3,14	Khá
121	64	20D4010236	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	Nữ	17/02/2002	Thừa Thiên Huế	3,02	Khá
122	65	20D4010240	Nguyễn Văn	Rin	Nam	29/08/2002	Thừa Thiên Huế	3,33	Giỏi
123	66	20D4010243	Nguyễn Ngọc Trường	Sinh	Nam	14/10/2002	Quảng Bình	3,49	Giỏi
124	67	20D4010244	Trần Thị Nguyễn	Sóng	Nữ	04/06/2002	Thừa Thiên Huế	3,32	Giỏi
125	68	20D4010254	Nguyễn Thị Hoài	Thanh	Nữ	01/03/2002	Quảng Trị	3,78	Xuất sắc
126	69	20D4010259	Bùi Thị Phương	Thảo	Nữ	30/04/2002	Thừa Thiên Huế	3,40	Giỏi
127	70	20D4010263	Lê Thị Phương	Thảo	Nữ	02/02/2002	Thừa Thiên Huế	3,61	Xuất sắc
128	71	20D4010264	Đoàn Thị Thu	Thảo	Nữ	19/10/2002	Thừa Thiên Huế	3,43	Giỏi
129	72	20D4010266	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	Nữ	05/06/2002	Thừa Thiên Huế	3,27	Giỏi
130	73	20D4010269	Ngô Thị Minh	Thi	Nữ	28/08/2002	Thừa Thiên Huế	3,53	Giỏi
131	74	20D4010272	Nguyễn Thị Ngọc	Thu	Nữ	27/07/2002	Thừa Thiên Huế	3,17	Khá
132	75	20D4010275	Huỳnh Thị Anh	Thư	Nữ	05/04/2002	Thừa Thiên Huế	3,40	Giỏi

STT	TT	MSSV	Họ và tên sinh viên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại TN
133	76	20D4010281	Phạm Thị Như	Thùy	Nữ	12/10/2002	Thừa Thiên Huế	3,25	Giỏi
134	77	20D4010282	Nguyễn Thị Bích	Thùy	Nữ	24/09/2002	Quảng Bình	3,41	Giỏi
135	78	20D4010285	Đinh Thị Cẩm	Tiên	Nữ	20/03/2002	Quảng Nam	3,40	Giỏi
136	79	20D4010289	Lê Thị Thủy	Tiên	Nữ	01/10/2002	Thừa Thiên Huế	3,76	Xuất sắc
137	80	20D4010301	Nguyễn Thủy	Trúc	Nữ	04/01/2002	Thừa Thiên Huế	3,66	Xuất sắc
138	81	20D4010305	Lê Đức Anh	Tuấn	Nam	07/07/2002	Thừa Thiên Huế	2,84	Khá
139	82	20D4010306	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	Nữ	08/12/2002	Quảng Nam	3,22	Giỏi
140	83	20D4010307	Lâm Phi	Tuyết	Nữ	16/03/2002	Quảng Ngãi	3,26	Giỏi
141	84	20D4010314	Lê Thị Thúy	Vy	Nữ	30/12/2002	Thừa Thiên Huế	3,22	Giỏi
142	85	20D4010318	Dương Lê	Vy	Nữ	29/06/2002	Thừa Thiên Huế	3,05	Khá
143	86	20D4010324	Nguyễn Hải	Yến	Nữ	22/10/2002	Quảng Bình	2,96	Khá
144	87	20D4010326	Lê Văn	Hiền	Nam	05/12/2002	Thừa Thiên Huế	3,02	Khá
145	88	20D4010328	Phan Nguyễn Thị	My	Nữ	01/11/2002	Hồ Chí Minh	3,26	Giỏi
146	89	20D4010329	Tôn Nữ Hoàng	Ngân	Nữ	30/01/2002	Thừa Thiên Huế	3,07	Khá
147	90	20D4010331	Nguyễn Hoàng Thủy	Tiên	Nữ	24/01/2002	Thừa Thiên Huế	3,33	Giỏi
148	91	20D4010332	Phan Thị	Yến	Nữ	21/04/2002	Quảng Trị	3,40	Giỏi
149	92	20D4010333	Trần Bình	An	Nữ	30/09/2002	Đà Nẵng	3,23	Giỏi
150	93	20D4010361	Hà Thúc Nguyên	Bình	Nam	03/08/2002	Thừa Thiên Huế	2,79	Khá
151	94	20D4010366	Đặng Thị Bích	Châu	Nữ	29/04/2002	Thừa Thiên Huế	2,91	Khá
152	95	20D4010370	Hoàng Thị Kim	Chi	Nữ	16/11/2002	Thừa Thiên Huế	3,21	Giỏi
153	96	20D4010376	Alăng Thị	Chúa	Nữ	28/10/2002	Quảng Nam	3,02	Khá
154	97	20D4010378	Nguyễn Thành	Chung	Nam	08/01/2002	Đắk Lắk	3,01	Khá
155	98	20D4010385	Nguyễn Nhất Hoàng	Công	Nam	20/04/2002	Sóc Trăng	3,48	Giỏi
156	99	20D4010391	Trần Nguyễn Linh	Đan	Nữ	12/06/2002	Thừa Thiên Huế	3,50	Giỏi
157	100	20D4010393	Nguyễn Thị Anh	Đào	Nữ	02/02/2002	Thừa Thiên Huế	2,86	Khá
158	101	20D4010399	Văn Phước	Đạt	Nam	22/11/2002	Thừa Thiên Huế	2,94	Khá
159	102	20D4010412	Nguyễn Văn	Dự	Nam	22/09/2002	Thừa Thiên Huế	3,43	Giỏi
160	103	20D4010414	Phan Thị Hồng	Dung	Nữ	12/08/2002	Thừa Thiên Huế	3,38	Giỏi
161	104	20D4010419	Nguyễn Ngọc Hùng	Dũng	Nam	05/12/2002	Thừa Thiên Huế	2,88	Khá
162	105	20D4010425	Ngô Thị	Dương	Nữ	06/08/2002	Quảng Bình	2,58	Khá

STT	TT	MSSV	Họ và tên sinh viên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại TN
163	106	20D4010428	Trần Khoa Quốc	Duy	Nam	26/04/2002	Thừa Thiên Huế	2,95	Khá
164	107	20D4010435	Lê Thị Hồng	Duyên	Nữ	14/11/2002	Thừa Thiên Huế	3,36	Giỏi
165	108	20D4010441	Trần Thị Nguyệt	Giang	Nữ	29/10/2002	Thừa Thiên Huế	3,45	Giỏi
166	109	20D4010449	Nguyễn Lưu Thanh	Hà	Nữ	27/03/2002	Thừa Thiên Huế	3,29	Giỏi
167	110	20D4010463	Ngô Thị Ngọc	Hải	Nữ	22/12/2002	Thừa Thiên Huế	3,27	Giỏi
168	111	20D4010466	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	02/10/2002	Thừa Thiên Huế	3,19	Khá
169	112	20D4010475	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	06/05/2002	Quảng Bình	3,43	Giỏi
170	113	20D4010491	Lê Thị Mỹ	Hiền	Nữ	27/01/2002	Quảng Trị	3,41	Giỏi
171	114	20D4010496	Lê Xuân	Hiệp	Nam	02/07/2002	Gia Lai	2,23	Trung bình
172	115	20D4010506	Huỳnh Thị Hồng	Hoa	Nữ	25/03/2002	Thừa Thiên Huế	3,72	Xuất sắc
173	116	20D4010514	Nguyễn Tiến	Hoàng	Nam	16/11/2002	Nam Định	3,26	Giỏi
174	117	20D4010519	Ngô Văn	Huân	Nam	24/08/2002	Hà Tĩnh	2,96	Khá
175	118	20D4010522	Võ Thị	Huệ	Nữ	18/02/2002	Quảng Trị	3,22	Giỏi
176	119	20D4010527	Nguyễn Tấn	Hùng	Nam	08/12/2002	Thừa Thiên Huế	3,08	Khá
177	120	20D4010529	Nguyễn Mạnh	Hưng	Nam	06/08/2002	Thừa Thiên Huế	2,67	Khá
178	121	20D4010531	Nguyễn Ngọc Lan	Hương	Nữ	05/11/2002	Thừa Thiên Huế	2,78	Khá
179	122	20D4010551	Dương Thị Thu	Huyền	Nữ	20/05/2002	Quảng Bình	3,63	Xuất sắc
180	123	20D4010552	Trần Thị Thanh	Huyền	Nữ	03/01/2002	Quảng Bình	3,24	Giỏi
181	124	20D4010553	Võ Thị Thu	Huyền	Nữ	12/03/2002	Thừa Thiên Huế	3,43	Giỏi
182	125	20D4010554	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	Nữ	01/09/2002	Quảng Trị	3,08	Khá
183	126	20D4010555	Phan Đình Khánh	Huyền	Nữ	16/08/2002	Thừa Thiên Huế	3,39	Giỏi
184	127	20D4010557	Hoàng Thị Ngọc	Huyền	Nữ	03/09/2002	Thừa Thiên Huế	3,12	Khá
185	128	20D4010575	Huỳnh Văn Tuấn	Kiệt	Nam	03/10/2002	Thừa Thiên Huế	3,29	Giỏi
186	129	20D4010582	Nguyễn Thị Thùy	Lan	Nữ	20/12/2002	Đà Nẵng	3,01	Khá
187	130	20D4010584	Cao Thị Đào	Lan	Nữ	02/01/2002	Hà Giang	3,03	Khá
188	131	20D4010589	Trần Thị Kim	Liên	Nữ	02/05/2002	Quảng Nam	3,53	Giỏi
189	132	20D4010591	Trần Thị Mỹ	Liên	Nữ	16/10/2002	Quảng Bình	3,83	Xuất sắc
190	133	20D4010592	Lê Thị Kim	Liên	Nữ	15/03/2002	Quảng Trị	2,90	Khá
191	134	20D4010602	Hà Thị Thuỳ	Linh	Nữ	12/07/2002	Thừa Thiên Huế	2,83	Khá
192	135	20D4010603	Nguyễn Thị Nhật	Linh	Nữ	23/11/2002	Thừa Thiên Huế	3,09	Khá

STT	TT	MSSV	Họ và tên sinh viên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại TN
193	136	20D4010608	Phan Thị Trúc	Linh	Nữ	26/03/2002	Gia Lai	3,81	Xuất sắc
194	137	20D4010612	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	09/01/2002	Nghệ An	3,16	Khá
195	138	20D4010615	Nguyễn Đình Phước	Linh	Nam	02/01/2002	Thừa Thiên Huế	2,97	Khá
196	139	20D4010626	Nguyễn Tiến	Lực	Nam	23/05/2002	Thừa Thiên Huế	2,70	Khá
197	140	20D4010627	Nguyễn Thị	Lương	Nữ	23/03/2002	Nghệ An	3,32	Giỏi
198	141	20D4010628	Nguyễn Thành	Luỹ	Nam	09/06/2002	Đà Nẵng	2,86	Khá
199	142	20D4010633	Lê Thị Hương	Ly	Nữ	02/12/2002	Thừa Thiên Huế	3,50	Giỏi
200	143	20D4010642	Lê Thị Ngọc	Mảnh	Nữ	18/02/2002	Thừa Thiên Huế	3,60	Xuất sắc
201	144	20D4010648	Trần Thị Bình	Minh	Nữ	11/04/2002	Hà Tĩnh	3,64	Xuất sắc
202	145	20D4010649	Bùi Ngọc Nhật	Minh	Nam	17/09/2002	Thừa Thiên Huế	2,69	Khá
203	146	20D4010658	Lê Thị Trà	My	Nữ	27/10/2002	Thừa Thiên Huế	3,20	Giỏi
204	147	20D4010660	Nguyễn Đỗ Thùy	My	Nữ	01/05/2002	Thừa Thiên Huế	3,30	Giỏi
205	148	20D4010668	Trần Thị Bích	Na	Nữ	19/07/2002	Thừa Thiên Huế	3,09	Khá
206	149	20D4010672	Đoàn Thị	Nga	Nữ	16/01/2002	Thừa Thiên Huế	3,11	Khá
207	150	20D4010674	Nguyễn Thị Hồng	Nga	Nữ	24/02/2002	Thừa Thiên Huế	3,37	Giỏi
208	151	20D4010678	Hoàng Thị Thủy	Nga	Nữ	14/05/2002	Quảng Bình	3,49	Giỏi
209	152	20D4010689	Đặng Nguyễn Thảo	Ngân	Nữ	12/08/2002	Thừa Thiên Huế	2,90	Khá
210	153	20D4010700	Nguyễn Phan Kim	Ngọc	Nữ	28/03/2002	Thừa Thiên Huế	3,02	Khá
211	154	20D4010704	Lương Thị Thảo	Nguyên	Nữ	17/12/2002	Quảng Bình	3,23	Giỏi
212	155	20D4010706	Lê Thảo	Nguyên	Nữ	28/10/2002	Quảng Trị	3,22	Giỏi
213	156	20D4010711	Hoàng Thị Thảo	Nguyên	Nữ	31/10/2002	Thừa Thiên Huế	3,39	Giỏi
214	157	20D4010716	Lê Thị	Nguyệt	Nữ	19/04/2002	Thanh Hóa	2,90	Khá
215	158	20D4010734	Nguyễn Phước	Nhật	Nam	10/02/2002	Quảng Nam	3,41	Giỏi
216	159	20D4010735	Trần Quang	Nhật	Nam	31/07/2002	Thừa Thiên Huế	3,41	Giỏi
217	160	20D4010736	Võ Thị	Nhẹ	Nữ	06/09/2002	Quảng Nam	3,41	Giỏi
218	161	20D4010737	Trần Thị Ái	Nhi	Nữ	20/06/2002	Thừa Thiên Huế	3,10	Khá
219	162	20D4010738	Nguyễn Thị Thảo	Nhi	Nữ	06/08/2002	Thừa Thiên Huế	3,69	Xuất sắc
220	163	20D4010741	Bùi Vũ Thanh	Nhi	Nữ	27/01/2002	Quảng Nam	3,15	Khá
221	164	20D4010743	Huỳnh Thị Hồng	Nhi	Nữ	04/05/2000	Thừa Thiên Huế	3,60	Xuất sắc
222	165	20D4010745	Lê Thị Thảo	Nhi	Nữ	13/10/2002	Thừa Thiên Huế	3,17	Khá

STT	TT	MSSV	Họ và tên sinh viên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại TN
223	166	20D4010747	Trương Trần Phương	Nhi	Nữ	18/11/2002	Thừa Thiên Huế	2,66	Khá
224	167	20D4010755	Đỗ Thị Uyên	Nhi	Nữ	12/06/2002	Thừa Thiên Huế	2,87	Khá
225	168	20D4010779	Lê Thị Diệu	Ny	Nữ	28/01/2002	Thừa Thiên Huế	2,92	Khá
226	169	20D4010782	Nguyễn Thị Kim	Oanh	Nữ	20/11/2002	Quảng Nam	3,58	Giỏi
227	170	20D4010783	Bùi Thị Trúc	Oanh	Nữ	30/06/2002	Quảng Bình	2,92	Khá
228	171	20D4010791	Phạm Đắc	Phúc	Nam	17/03/2002	Quảng Nam	3,11	Khá
229	172	20D4010807	Hoàng Hải Nam	Phương	Nữ	15/04/2002	Thừa Thiên Huế	3,06	Khá
230	173	20D4010809	Nguyễn Thị Thu	Phượng	Nữ	01/06/2002	Thừa Thiên Huế	3,37	Giỏi
231	174	20D4010818	Đặng Như	Quý	Nam	21/01/2002	Thừa Thiên Huế	3,17	Khá
232	175	20D4010835	Lê Thị Như	Quỳnh	Nữ	02/01/2002	Thừa Thiên Huế	2,86	Khá
233	176	20D4010840	Nguyễn Thị Mỹ	Ri	Nữ	25/09/2002	Thừa Thiên Huế	3,86	Xuất sắc
234	177	20D4010854	Trần Ngọc	Tâm	Nam	28/02/2002	Hà Nam	3,83	Xuất sắc
235	178	20D4010866	Lê Thị	Thắm	Nữ	23/01/2002	Hà Tĩnh	2,80	Khá
236	179	20D4010867	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	Nữ	07/05/2002	Quảng Bình	3,47	Giỏi
237	180	20D4010880	Nguyễn Tất	Thành	Nam	05/09/2002	Gia Lai	3,23	Giỏi
238	181	20D4010885	Võ Thị Thanh	Thảo	Nữ	23/09/2002	Quảng Trị	3,38	Giỏi
239	182	20D4010887	Hồ Thị Phương	Thảo	Nữ	08/01/2002	Thừa Thiên Huế	3,19	Khá
240	183	20D4010890	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	08/05/2002	Hà Tĩnh	3,76	Xuất sắc
241	184	20D4010892	Bạch Mai Diệu	Thảo	Nữ	20/11/2002	Thừa Thiên Huế	3,38	Giỏi
242	185	20D4010893	Ngô Thị Thu	Thảo	Nữ	02/01/2002	Bình Phước	3,49	Giỏi
243	186	20D4010900	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	06/02/2002	Thừa Thiên Huế	2,96	Khá
244	187	20D4010902	Nguyễn Ngọc Anh	Thi	Nữ	29/10/2002	Thừa Thiên Huế	3,06	Khá
245	188	20D4010904	Hoàng Thị Anh	Thi	Nữ	21/08/2002	Thừa Thiên Huế	2,67	Khá
246	189	20D4010906	Nguyễn Thị	Thiên	Nữ	01/09/2002	Quảng Trị	3,09	Khá
247	190	20D4010909	Bùi Văn	Thiệu	Nam	15/03/2002	Đà Nẵng	2,94	Khá
248	191	20D4010915	Lê Thị Mỹ	Thu	Nữ	18/08/2002	Quảng Trị	3,28	Giỏi
249	192	20D4010925	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	Nữ	02/12/2002	Thừa Thiên Huế	3,16	Khá
250	193	20D4010927	Hồ Thị	Thương	Nữ	25/01/2002	Đắk Lắk	3,17	Khá
251	194	20D4010935	Nguyễn Thị Hoài	Thương	Nữ	20/09/2002	Quảng Nam	2,75	Khá
252	195	20D4010936	Trần Thị	Thường	Nữ	16/06/2002	Nghệ An	3,41	Giỏi

STT	TT	MSSV	Họ và tên sinh viên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại TN
253	196	20D4010950	Huỳnh Thị Quỳnh	Tiên	Nữ	21/05/2002	Thừa Thiên Huế	3,96	Xuất sắc
254	197	20D4010951	Hà Đức	Tiến	Nam	13/11/2002	Quảng Nam	3,01	Khá
255	198	20D4010954	Hồ Đắc	Tiền	Nam	30/03/2002	Quảng Nam	2,48	Trung bình
256	199	20D4010963	Nguyễn Thị Thu	Trâm	Nữ	19/10/2002	Quảng Nam	3,65	Xuất sắc
257	200	20D4010978	Phạm Thị	Trang	Nữ	06/06/2002	Quảng Bình	3,60	Xuất sắc
258	201	20D4010983	Trần Hoàng Hương	Trang	Nữ	20/08/2002	Nghệ An	3,36	Giỏi
259	202	20D4010988	Trương Thị Thuý	Trang	Nữ	25/02/2002	Thừa Thiên Huế	3,34	Giỏi
260	203	20D4010994	Nguyễn Đình	Trí	Nam	18/07/2002	Quảng Nam	3,31	Giỏi
261	204	20D4010997	Nguyễn Thị Mỹ	Trinh	Nữ	26/06/2002	Thừa Thiên Huế	3,31	Giỏi
262	205	20D4011003	Nguyễn Thị Tổ	Trinh	Nữ	28/02/2002	Thừa Thiên Huế	3,34	Giỏi
263	206	20D4011005	Mai Thị Xuân	Trinh	Nữ	28/02/2002	Thừa Thiên Huế	3,94	Xuất sắc
264	207	20D4011007	Phan Công	Trứ	Nam	29/10/2002	Quảng Nam	3,28	Giỏi
265	208	20D4011020	Hoàng Anh	Tuấn	Nam	30/04/2002	Quảng Bình	2,70	Khá
266	209	20D4011026	Phạm Thị	Tươi	Nữ	01/10/2002	Thừa Thiên Huế	3,45	Giỏi
267	210	20D4011031	Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	11/07/2002	Quảng Bình	3,64	Xuất sắc
268	211	20D4011045	Trần Thị Cẩm	Vân	Nữ	11/03/2002	Thừa Thiên Huế	3,55	Giỏi
269	212	20D4011048	Ngô Thị Tường	Vi	Nữ	02/04/2002	Thừa Thiên Huế	3,25	Giỏi
270	213	20D4011062	Nguyễn Thị Bảo	Vy	Nữ	17/10/2002	Thừa Thiên Huế	2,97	Khá
271	214	20D4011070	Hoàng Thị Như	Ý	Nữ	17/03/2002	Thừa Thiên Huế	2,90	Khá
272	215	20Q4010004	Phạm Thị Phương	Linh	Nữ	03/02/2002	Quảng Trị	2,96	Khá
273	216	20Q4010006	Võ Thị Hoài	Thương	Nữ	09/02/2002	Quảng Trị	2,76	Khá
274	217	20Q4010051	Đinh Thị Phương	Thảo	Nữ	14/06/2002	Thừa Thiên Huế	2,97	Khá
Ngành Quản trị kinh doanh, khóa 2020 – 2024									
275	1	20D4020002	Trương Thị Vĩ	Cẩm	Nữ	03/01/2002	Thừa Thiên Huế	3,37	Giỏi
276	2	20D4020004	Lê Thanh	Hằng	Nữ	27/04/2002	Thừa Thiên Huế	3,83	Xuất sắc
277	3	20D4020005	Lê Văn	Hào	Nam	05/02/2002	Thừa Thiên Huế	3,79	Xuất sắc
278	4	20D4020015	Dương Thị Kiều	Oanh	Nữ	21/01/2002	Thừa Thiên Huế	3,18	Khá
279	5	20D4020016	Lê Thị Thanh	Tâm	Nữ	10/11/2002	Thừa Thiên Huế	3,26	Giỏi
280	6	20D4020021	Trương Ngọc Phương	Trinh	Nữ	15/01/2001	Thừa Thiên Huế	3,86	Xuất sắc
281	7	20D4020031	Hồ Đăng Tuấn	Anh	Nam	22/11/2002	Thừa Thiên Huế	3,18	Khá

STT	TT	MSSV	Họ và tên sinh viên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại TN
282	8	20D4020033	Lê Viết	Bình	Nam	29/06/2002	Thừa Thiên Huế	3,14	Khá
283	9	20D4020037	Lê Thừa Vĩnh	Đạt	Nam	17/07/2002	Thừa Thiên Huế	2,87	Khá
284	10	20D4020050	Nguyễn Viết	Hiếu	Nam	09/11/2002	Hà Tĩnh	3,06	Khá
285	11	20D4020051	Lê Phước	Hoàng	Nam	26/06/2002	Thừa Thiên Huế	3,45	Giỏi
286	12	20D4020054	Nguyễn Thanh Kim	Huệ	Nữ	25/02/2002	Quảng Nam	2,94	Khá
287	13	20D4020055	Đặng Nhật	Huy	Nam	08/10/2002	Thừa Thiên Huế	2,73	Khá
288	14	20D4020059	Nguyễn Thị Quang	Lưu	Nữ	20/12/2002	Thừa Thiên Huế	3,06	Khá
289	15	20D4020071	Trương Bảo	Nhi	Nữ	04/07/2002	Thừa Thiên Huế	3,12	Khá
290	16	20D4020072	Đỗ Uyên	Nhi	Nữ	29/08/2002	Thừa Thiên Huế	3,26	Giỏi
291	17	20D4020077	Nguyễn Thùy	Nhung	Nữ	06/03/2002	Thừa Thiên Huế	2,78	Khá
292	18	20D4020093	Nguyễn Hữu Tuệ	Tĩnh	Nam	25/07/2002	Hà Tĩnh	3,18	Khá
293	19	20D4020094	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	Nữ	20/07/2002	Thừa Thiên Huế	3,04	Khá
294	20	20D4020097	Lê Thị	Tú	Nữ	05/05/2002	Thừa Thiên Huế	3,24	Giỏi
295	21	20D4020098	Nguyễn Duy Nhật	Tường	Nam	28/10/2002	Thừa Thiên Huế	2,71	Khá
Ngành Du lịch, khóa 2020 – 2024									
296	1	20D4040010	Hà Thị Linh	Chi	Nữ	29/09/2002	Quảng Bình	3,43	Giỏi
297	2	20D4040015	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	03/03/2002	Quảng Nam	3,29	Giỏi
298	3	20D4040023	Hồ Nhật	Hoàng	Nam	18/04/2002	Thừa Thiên Huế	2,91	Khá
299	4	20D4040024	Ngô Đình Minh	Hoàng	Nam	08/01/2002	Thừa Thiên Huế	2,94	Khá
300	5	20D4040032	Lê Thị Khánh	Huyền	Nữ	01/02/2001	Hà Tĩnh	3,32	Giỏi
301	6	20D4040055	Hoàng Thị Như	Ngọc	Nữ	27/01/2002	Quảng Trị	3,11	Khá
302	7	20D4040059	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	Nữ	09/05/2002	Quảng Trị	2,97	Khá
303	8	20D4040060	Trần Thanh	Nhàn	Nữ	10/06/2002	Quảng Bình	3,12	Khá
304	9	20D4040065	Đoàn Thị Quỳnh	Nhi	Nữ	05/07/2002	Quảng Trị	3,49	Giỏi
305	10	20D4040066	Nguyễn Thị Ý	Nhi	Nữ	20/05/2001	Hồ Chí Minh	3,46	Giỏi
306	11	20D4040071	Châu Nguyễn Xu	Ni	Nữ	27/04/2002	Thừa Thiên Huế	2,82	Khá
307	12	20D4040081	Hoàng Phan Uyên	Phương	Nữ	20/12/2002	Thừa Thiên Huế	2,86	Khá
308	13	20D4040083	Nguyễn Đăng Tú	Quan	Nam	17/04/2002	Quảng Nam	3,13	Khá
309	14	20D4040085	Trần Thị Diễm	Quỳnh	Nữ	16/09/2002	Quảng Trị	3,49	Giỏi
310	15	20D4040092	Đỗ Thị Bích	Thảo	Nữ	11/11/2001	Yên Bái	3,05	Khá

STT	TT	MSSV	Họ và tên sinh viên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại TN
311	16	20D4040093	Nguyễn Minh	Thảo	Nữ	16/08/2002	Thừa Thiên Huế	2,98	Khá
312	17	20D4040100	Lê Khắc Mỹ	Trang	Nữ	10/09/2002	Thừa Thiên Huế	2,57	Khá
313	18	20D4040101	Phan Thị Kiều	Trang	Nữ	15/08/2002	Thừa Thiên Huế	2,93	Khá
314	19	20D4040115	Trương Nguyễn Yến	Nhi	Nữ	18/12/2002	Thừa Thiên Huế	2,91	Khá
315	20	20D4040122	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	Nữ	26/11/2002	Thừa Thiên Huế	2,86	Khá
316	21	20D4040127	Trương Thị Ngọc	Ánh	Nữ	01/12/2002	Quảng Bình	3,45	Giỏi
317	22	20D4040129	H Nera	Ayün	Nữ	20/10/2002	Đắk Lắk	2,70	Khá
318	23	20D4040138	Nguyễn Thị Mỹ	Châu	Nữ	24/02/2002	Quảng Trị	2,97	Khá
319	24	20D4040146	Trương Văn Thành	Công	Nam	13/09/2002	Thừa Thiên Huế	3,66	Xuất sắc
320	25	20D4040184	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	15/01/2002	Quảng Nam	3,09	Khá
321	26	20D4040185	Lê Văn	Hạng	Nam	16/11/2002	Quảng Nam	2,75	Khá
322	27	20D4040198	Trần Thị Thu	Hiền	Nữ	20/01/2002	Hà Tĩnh	3,49	Giỏi
323	28	20D4040216	Phan Thị Mỹ	Hồng	Nữ	20/09/2002	Thừa Thiên Huế	2,95	Khá
324	29	20D4040233	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	Nữ	10/03/2002	Thừa Thiên Huế	2,86	Khá
325	30	20D4040246	Nguyễn Thị Thùy	Liên	Nữ	25/02/2001	Thừa Thiên Huế	2,90	Khá
326	31	20D4040270	Đặng Thị Quỳnh	Ly	Nữ	27/10/2002	Thừa Thiên Huế	2,91	Khá
327	32	20D4040283	Alăng Thị Hòa	My	Nữ	10/09/2002	Quảng Nam	3,24	Giỏi
328	33	20D4040286	Trần Anh	Mỹ	Nam	06/07/2002	Quảng Trị	2,89	Khá
329	34	20D4040298	Dương Thị Kim	Ngân	Nữ	29/10/2002	Quảng Nam	3,23	Giỏi
330	35	20D4040356	Trương Thị Hoài	Phượng	Nữ	26/10/2002	Thừa Thiên Huế	2,94	Khá
331	36	20D4040365	Hồ Thị Như	Quỳnh	Nữ	17/08/2002	Quảng Bình	3,55	Giỏi
332	37	20D4040399	Võ Thị Thanh	Thảo	Nữ	19/01/2002	Thừa Thiên Huế	3,18	Khá
333	38	20D4040404	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	Nữ	17/09/2002	Thừa Thiên Huế	3,02	Khá
334	39	20D4040412	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	25/05/2002	Quảng Ngãi	2,86	Khá
335	40	20D4040428	Trần Thị Thu	Thủy	Nữ	26/12/2002	Thừa Thiên Huế	3,14	Khá
336	41	20D4040430	Trần Thị Thủy	Tiên	Nữ	26/12/2002	Thừa Thiên Huế	3,24	Giỏi
337	42	20D4040431	Đặng Văn	Tiến	Nam	25/08/2002	Thừa Thiên Huế	3,16	Khá
338	43	20D4040440	Trương Thị Ngọc	Trân	Nữ	08/06/2002	Thừa Thiên Huế	2,54	Khá
339	44	20D4040449	Nguyễn Thị Vân	Trang	Nữ	27/03/2002	Quảng Nam	3,15	Khá
340	45	20D4040458	Dương Lê Duy	Tuấn	Nam	18/07/2002	Thừa Thiên Huế	2,69	Khá

STT	TT	MSSV	Họ và tên sinh viên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại TN
	Ngành Quản trị khách sạn, khóa 2020 - 2024								
341	1	20D4050006	Trần Thị Quang	Anh	Nữ	12/10/2002	Quảng Bình	3,54	Giỏi
342	2	20D4050007	Lê Thị Phương	Anh	Nữ	03/08/2002	Thừa Thiên Huế	3,32	Giỏi
343	3	20D4050012	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	25/12/2002	Thừa Thiên Huế	3,45	Giỏi
344	4	20D4050019	Nguyễn Thị Phương	Chung	Nữ	24/07/2002	Thừa Thiên Huế	2,86	Khá
345	5	20D4050027	Trương Thị Mỹ	Dung	Nữ	01/01/2002	Quảng Bình	3,52	Giỏi
346	6	20D4050038	Lê Thùy	Dương	Nữ	08/02/2002	Thừa Thiên Huế	3,09	Khá
347	7	20D4050039	Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	15/10/2002	Thừa Thiên Huế	3,20	Giỏi
348	8	20D4050045	Trần Thị Thu	Hà	Nữ	08/11/2002	Quảng Nam	3,37	Giỏi
349	9	20D4050051	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	03/10/2002	Quảng Trị	3,57	Giỏi
350	10	20D4050061	Trương Thị	Hòa	Nữ	15/04/2002	Thừa Thiên Huế	3,17	Khá
351	11	20D4050065	Võ Thị	Hương	Nữ	12/03/2002	Quảng Bình	3,23	Giỏi
352	12	20D4050067	Trần Thị Ngọc	Huyền	Nữ	04/01/2002	Thừa Thiên Huế	3,13	Khá
353	13	20D4050070	Dương Thị Thanh	Huyền	Nữ	27/01/2002	Thừa Thiên Huế	3,39	Giỏi
354	14	20D4050073	Trương Võ	Lâm	Nam	17/02/2002	Thừa Thiên Huế	2,94	Khá
355	15	20D4050075	Ngô Thị Hoàng	Lan	Nữ	02/01/2001	Quảng Bình	3,57	Giỏi
356	16	20D4050078	Nguyễn Thị	Lin	Nữ	25/11/2002	Thừa Thiên Huế	3,56	Giỏi
357	17	20D4050083	Nguyễn Thị Khánh	Linh	Nữ	19/06/2000	Quảng Bình	3,68	Xuất sắc
358	18	20D4050086	Nguyễn Văn	Lợi	Nam	09/06/2002	Gia Lai	2,97	Khá
359	19	20D4050090	Trần Thị Cẩm	Ly	Nữ	09/04/2002	Hà Tĩnh	3,53	Giỏi
360	20	20D4050091	Lê Thị Mỹ	Ly	Nữ	11/02/2002	Quảng Nam	3,40	Giỏi
361	21	20D4050096	Nguyễn Vĩnh Cẩm	Ly	Nữ	15/03/2002	Thừa Thiên Huế	3,30	Giỏi
362	22	20D4050098	Dương Tiểu	Mẫn	Nữ	01/01/2002	Quảng Ngãi	3,25	Giỏi
363	23	20D4050100	Hoàng Nhật	Minh	Nam	10/10/2002	Thừa Thiên Huế	3,34	Giỏi
364	24	20D4050102	Lê Thị Ngọc	My	Nữ	05/11/2002	Thừa Thiên Huế	3,01	Khá
365	25	20D4050103	Phạm Thị Kiều	My	Nữ	11/10/2002	Thừa Thiên Huế	3,03	Khá
366	26	20D4050105	Huỳnh Thị Trà	My	Nữ	24/03/2002	Thừa Thiên Huế	3,49	Giỏi
367	27	20D4050109	Tô Thị Thúy	Ngân	Nữ	31/10/2002	Gia Lai	3,43	Giỏi
368	28	20D4050110	Nguyễn Thị Hồng	Ngân	Nữ	28/11/2002	Thừa Thiên Huế	3,31	Giỏi
369	29	20D4050111	Nguyễn Thị Mỹ	Ngân	Nữ	20/11/2002	Thừa Thiên Huế	3,15	Khá

STT	TT	MSSV	Họ và tên sinh viên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại TN
370	30	20D4050114	Trần Thị Bảo	Ngọc	Nữ	23/11/2002	Quảng Trị	3,58	Giỏi
371	31	20D4050118	Lê Quách Minh	Nhật	Nam	18/01/2002	Thừa Thiên Huế	2,91	Khá
372	32	20D4050125	Nguyễn Thị Hoài	Nhi	Nữ	10/07/2002	Thừa Thiên Huế	3,21	Giỏi
373	33	20D4050126	Lê Thị Uyên	Nhi	Nữ	26/02/2002	Thừa Thiên Huế	3,15	Khá
374	34	20D4050128	Phạm Thị Yến	Nhi	Nữ	04/03/2002	Thừa Thiên Huế	3,44	Giỏi
375	35	20D4050130	Trần Thị Tuyết	Nhi	Nữ	09/01/2002	Thừa Thiên Huế	3,50	Giỏi
376	36	20D4050131	Lê Nguyễn Ý	Nhi	Nữ	30/04/2002	Thừa Thiên Huế	3,71	Xuất sắc
377	37	20D4050133	Trương Thị Quỳnh	Như	Nữ	15/04/2002	Thừa Thiên Huế	3,27	Giỏi
378	38	20D4050143	Hồ Thị Ngọc	Phước	Nữ	05/07/2002	Thừa Thiên Huế	3,26	Giỏi
379	39	20D4050150	Đặng Thị Thu	Phương	Nữ	28/09/2002	Thừa Thiên Huế	2,82	Khá
380	40	20D4050151	Nguyễn Lê Thu	Phương	Nữ	11/09/2002	Hà Tĩnh	3,15	Khá
381	41	20D4050152	Võ Thị	Phượng	Nữ	08/10/2002	Thừa Thiên Huế	3,39	Giỏi
382	42	20D4050160	Trần Thị Như	Quỳnh	Nữ	05/09/2002	Thừa Thiên Huế	3,19	Khá
383	43	20D4050162	Nguyễn Thị Hồng	Sáng	Nữ	28/09/2002	Thừa Thiên Huế	2,85	Khá
384	44	20D4050164	Nguyễn Thị	Sương	Nữ	26/02/2002	Thừa Thiên Huế	3,31	Giỏi
385	45	20D4050168	Nguyễn Hồ Bảo	Tâm	Nữ	26/06/2002	Thừa Thiên Huế	3,14	Khá
386	46	20D4050170	Võ Thị Phước	Tầm	Nữ	08/06/2002	Thừa Thiên Huế	3,10	Khá
387	47	20D4050177	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	24/08/2002	Nghệ An	3,70	Xuất sắc
388	48	20D4050179	Võ Thị Kim	Thị	Nữ	28/02/2002	Thừa Thiên Huế	3,14	Khá
389	49	20D4050182	Phan Thị Anh	Thơ	Nữ	28/10/2002	Thừa Thiên Huế	2,82	Khá
390	50	20D4050183	Phan Thị Diệu	Thu	Nữ	26/08/2002	Thừa Thiên Huế	3,58	Giỏi
391	51	20D4050185	Trần Thị Anh	Thư	Nữ	30/06/2002	Thừa Thiên Huế	2,68	Khá
392	52	20D4050189	Trần Thị Lệ	Thủy	Nữ	04/04/2002	Thừa Thiên Huế	3,30	Giỏi
393	53	20D4050192	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	Nữ	25/05/2002	Thừa Thiên Huế	3,13	Khá
394	54	20D4050193	Lê Thị Thu	Thủy	Nữ	13/09/2002	Thừa Thiên Huế	3,06	Khá
395	55	20D4050194	Lê Văn	Tiến	Nam	04/09/2002	Thừa Thiên Huế	3,19	Khá
396	56	20D4050196	Nguyễn Thị Ái	Tĩnh	Nữ	12/01/2002	Thừa Thiên Huế	3,57	Giỏi
397	57	20D4050197	Võ Minh	Toàn	Nam	17/10/2002	Thừa Thiên Huế	3,03	Khá
398	58	20D4050206	Lê Thị Kiều	Trình	Nữ	10/11/2002	Quảng Bình	3,52	Giỏi
399	59	20D4050207	Hồ Thị Phương	Trình	Nữ	06/06/2002	Thừa Thiên Huế	3,11	Khá

STT	TT	MSSV	Họ và tên sinh viên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại TN
400	60	20D4050209	Lê Phước	Trình	Nam	04/02/2001	Thừa Thiên Huế	3,68	Xuất sắc
401	61	20D4050214	Dương Thị Phương	Uyên	Nữ	22/04/2002	Thừa Thiên Huế	2,91	Khá
402	62	20D4050215	Hồ Phương	Uyên	Nữ	07/08/2002	Quảng Trị	3,15	Khá
403	63	20D4050220	Nguyễn Tường	Vân	Nữ	25/09/2002	Hồ Chí Minh	2,93	Khá
404	64	20D4050228	Trần Thanh	Xuân	Nữ	21/01/2002	Thừa Thiên Huế	3,41	Giỏi
405	65	20D4050229	Nguyễn Thị Như	Ý	Nữ	30/07/1999	Thừa Thiên Huế	3,09	Khá
406	66	20D4050230	Quách Thị Như	Ý	Nữ	22/10/2002	Thừa Thiên Huế	3,12	Khá
407	67	20D4050234	Mai Thị Thanh	Yến	Nữ	15/06/2002	Thừa Thiên Huế	3,26	Giỏi
408	68	20D4050235	Hồ Thị Cẩm	Bình	Nữ	27/12/2002	Thừa Thiên Huế	3,21	Giỏi
409	69	20D4050236	Hồ Thị Kim	Chi	Nữ	26/07/2001	Thừa Thiên Huế	3,41	Giỏi
410	70	20D4050237	Nguyễn Thị Như	Hằng	Nữ	11/10/2002	Thừa Thiên Huế	3,29	Giỏi
411	71	20D4050238	Phan Linh	Linh	Nữ	09/12/2002	Thừa Thiên Huế	2,92	Khá
412	72	20D4050239	Huỳnh Thị Phương	Trà	Nữ	28/01/2002	Thừa Thiên Huế	2,91	Khá
413	73	20D4050245	Hồ Nguyễn Thục	Anh	Nữ	12/05/2002	Thừa Thiên Huế	3,19	Khá
414	74	20D4050250	Đinh Thị Kim	Anh	Nữ	30/08/2002	Thừa Thiên Huế	3,31	Giỏi
415	75	20D4050254	Trần Hoàng Châu	Anh	Nữ	23/03/2002	Thừa Thiên Huế	3,45	Giỏi
416	76	20D4050264	Nguyễn Thị	Bình	Nữ	22/11/2002	Thừa Thiên Huế	2,96	Khá
417	77	20D4050276	Nguyễn Đình	Đặng	Nam	25/09/2002	Thừa Thiên Huế	2,96	Khá
418	78	20D4050283	Lại Thị	Diệp	Nữ	20/03/2002	Thừa Thiên Huế	3,30	Giỏi
419	79	20D4050288	Hoàng Thị	Dung	Nữ	31/10/2002	Gia Lai	2,96	Khá
420	80	20D4050303	Bùi Thị Hương	Giang	Nữ	26/09/2002	Gia Lai	3,05	Khá
421	81	20D4050317	Hồ Thị Thúy	Hằng	Nữ	12/10/2002	Quảng Nam	3,22	Giỏi
422	82	20D4050321	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	24/10/2002	Quảng Nam	3,34	Giỏi
423	83	20D4050322	Nguyễn Thị Lệ	Hằng	Nữ	16/10/2002	Thừa Thiên Huế	3,34	Giỏi
424	84	20D4050327	Đỗ Thị	Hào	Nữ	06/04/2002	Thừa Thiên Huế	3,53	Giỏi
425	85	20D4050335	Võ Thành	Hiếu	Nam	08/12/2002	Thừa Thiên Huế	3,03	Khá
426	86	20D4050339	Cao	Hiếu	Nam	27/02/2001	Thừa Thiên Huế	3,27	Giỏi
427	87	20D4050344	Lê Thị	Hoài	Nữ	08/02/2002	Thừa Thiên Huế	3,19	Khá
428	88	20D4050346	Phan Thị	Hoài	Nữ	10/08/2002	Hà Tĩnh	3,35	Giỏi
429	89	20D4050349	Nguyễn Ngọc	Hoàng	Nam	07/11/2002	Gia Lai	2,84	Khá

STT	TT	MSSV	Họ và tên sinh viên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại TN
430	90	20D4050353	Trần Hữu	Huân	Nam	29/07/2002	Thừa Thiên Huế	3,07	Khá
431	91	20D4050355	Nguyễn Thị Thu	Huệ	Nữ	31/07/2002	Thừa Thiên Huế	3,23	Giỏi
432	92	20D4050364	Trần Văn Nhật	Huy	Nam	11/09/2002	Thừa Thiên Huế	3,54	Giỏi
433	93	20D4050370	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	29/07/2002	Thừa Thiên Huế	3,39	Giỏi
434	94	20D4050371	Trần Thị Tâm	Huyền	Nữ	30/05/2002	Quảng Trị	3,23	Giỏi
435	95	20D4050374	Trần Thị Thanh	Huyền	Nữ	19/02/2002	Thừa Thiên Huế	3,10	Khá
436	96	20D4050375	Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	05/01/2002	Thừa Thiên Huế	3,46	Giỏi
437	97	20D4050376	Nguyễn Lê	Huyền	Nữ	19/05/2002	Nghệ An	3,38	Giỏi
438	98	20D4050377	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	16/11/2002	Đà Nẵng	3,16	Khá
439	99	20D4050378	Phạm Duy	Khanh	Nam	29/01/2002	Đà Nẵng	3,37	Giỏi
440	100	20D4050380	Tôn Thất	Khoa	Nam	26/01/2002	Thừa Thiên Huế	3,30	Giỏi
441	101	20D4050384	Huỳnh Thị Mỹ	Kim	Nữ	26/04/2002	Thừa Thiên Huế	3,15	Khá
442	102	20D4050390	Vũ Thị Như	Lan	Nữ	17/07/2002	Hải Dương	3,59	Giỏi
443	103	20D4050405	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	26/09/2002	Hà Tĩnh	3,30	Giỏi
444	104	20D4050409	Đoàn Minh Hoàng	Linh	Nam	01/01/2002	Thừa Thiên Huế	3,11	Khá
445	105	20D4050411	Lê Thị Mỹ	Linh	Nữ	21/12/2002	Thừa Thiên Huế	3,96	Xuất sắc
446	106	20D4050412	Đào Thị	Loan	Nữ	12/08/2002	Thừa Thiên Huế	2,92	Khá
447	107	20D4050419	Dương Đình Đức	Luân	Nam	15/06/2002	Hà Tĩnh	3,00	Khá
448	108	20D4050421	La Khánh	Ly	Nữ	08/04/2002	Thừa Thiên Huế	2,98	Khá
449	109	20D4050422	Lê Thị Com	Ly	Nữ	14/10/2002	Quảng Nam	3,30	Giỏi
450	110	20D4050423	Trần Thị My	Ly	Nữ	04/08/2002	Thừa Thiên Huế	2,85	Khá
451	111	20D4050426	Trần Thị	Mai	Nữ	04/01/2002	Quảng Trị	3,38	Giỏi
452	112	20D4050432	Nguyễn Thị	Mến	Nữ	22/05/2002	Thừa Thiên Huế	3,87	Xuất sắc
453	113	20D4050438	Nguyễn Viết Nhật	Minh	Nam	08/07/2002	Thừa Thiên Huế	3,20	Giỏi
454	114	20D4050459	Nguyễn Thảo	Ngân	Nữ	12/04/2002	Quảng Trị	3,68	Xuất sắc
455	115	20D4050466	Trần Hoàng Bảo	Ngọc	Nữ	18/12/2002	Kon Tum	3,22	Giỏi
456	116	20D4050470	Hoàng Hoài	Ngọc	Nữ	24/01/2002	Thừa Thiên Huế	2,99	Khá
457	117	20D4050472	Hoàng Thị Huyền	Ngọc	Nữ	14/03/2002	Thừa Thiên Huế	3,26	Giỏi
458	118	20D4050473	Đỗ Bích	Ngọc	Nữ	02/01/2002	Quảng Bình	3,30	Giỏi
459	119	20D4050476	Hồng Thảo	Nguyên	Nữ	04/06/2002	Thừa Thiên Huế	3,36	Giỏi

STT	TT	MSSV	Họ và tên sinh viên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại TN
460	120	20D4050477	Hồ Công	Nguyên	Nam	16/05/2002	Thừa Thiên Huế	2,98	Khá
461	121	20D4050485	Lê Thị Yên	Nhi	Nữ	04/09/2002	Quảng Trị	3,79	Xuất sắc
462	122	20D4050486	Hồ Lê Lan	Nhi	Nữ	19/10/2002	Nghệ An	3,51	Giỏi
463	123	20D4050496	Nguyễn Thị	Nhi	Nữ	06/02/2002	Đồng Nai	3,22	Giỏi
464	124	20D4050504	Hoàng Thị	Nhung	Nữ	26/02/2002	Thừa Thiên Huế	3,16	Khá
465	125	20D4050509	Nguyễn Thị Ngọc	Nhung	Nữ	04/11/2002	Thừa Thiên Huế	3,73	Xuất sắc
466	126	20D4050512	Nguyễn Thị Phương	Oanh	Nữ	13/03/2002	Thừa Thiên Huế	3,40	Giỏi
467	127	20D4050516	Hoàng Thị	Oanh	Nữ	02/01/2002	Quảng Bình	3,30	Giỏi
468	128	20D4050517	Nguyễn Lê Hồng	Phấn	Nữ	26/11/2002	Quảng Nam	3,06	Khá
469	129	20D4050541	Cao Thị Như	Quỳnh	Nữ	26/08/2002	Thừa Thiên Huế	2,91	Khá
470	130	20D4050545	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	Nữ	14/09/2002	Quảng Trị	2,91	Khá
471	131	20D4050546	Từ Thị Như	Quỳnh	Nữ	19/07/2002	Quảng Bình	3,23	Giỏi
472	132	20D4050548	Phan Thị Thu	Sương	Nữ	29/12/2002	Thừa Thiên Huế	3,38	Giỏi
473	133	20D4050566	Trần Ngọc	Thanh	Nam	09/06/2002	Thừa Thiên Huế	3,00	Khá
474	134	20D4050567	Bùi Thị Phương	Thanh	Nữ	15/10/2002	Quảng Bình	3,58	Giỏi
475	135	20D4050572	Cao Khả	Thành	Nam	18/01/2002	Thừa Thiên Huế	3,29	Giỏi
476	136	20D4050595	Nguyễn Thị Lệ	Thu	Nữ	13/01/2002	Quảng Ngãi	3,04	Khá
477	137	20D4050597	Nguyễn Anh	Thư	Nữ	14/02/2002	Thừa Thiên Huế	3,27	Giỏi
478	138	20D4050600	Nguyễn Thị Thu	Thuận	Nữ	01/11/2002	Quảng Nam	3,30	Giỏi
479	139	20D4050606	Cao Thị Thanh	Thủy	Nữ	22/08/2002	Thừa Thiên Huế	3,12	Khá
480	140	20D4050609	Nguyễn Thị	Thủy	Nữ	30/07/2002	Quảng Bình	3,28	Giỏi
481	141	20D4050612	Đặng Thị	Tiếp	Nữ	22/09/2002	Thừa Thiên Huế	3,71	Xuất sắc
482	142	20D4050621	Chế Thị Hạnh	Trâm	Nữ	02/06/2002	Thừa Thiên Huế	2,91	Khá
483	143	20D4050633	Lương Thị Thùy	Trang	Nữ	20/11/2002	Thừa Thiên Huế	3,47	Giỏi
484	144	20D4050636	Đinh Lê Huyền	Trang	Nữ	10/05/2002	Quảng Nam	3,03	Khá
485	145	20D4050639	Lê Thị Huyền	Trang	Nữ	23/07/2002	Hà Tĩnh	2,90	Khá
486	146	20D4050642	Trần Thị Kiều	Trang	Nữ	22/10/2002	Thừa Thiên Huế	3,27	Giỏi
487	147	20D4050687	Nguyễn Thị Yến	Viên	Nữ	24/12/2002	Quảng Nam	3,44	Giỏi
488	148	20D4050696	Ngô Thị Tuyết	Vy	Nữ	30/04/2002	Quảng Nam	2,78	Khá
489	149	20D4050702	Nguyễn Thị Như	Ý	Nữ	28/04/2002	Thừa Thiên Huế	3,02	Khá

STT	TT	MSSV	Họ và tên sinh viên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại TN
490	150	20D4050703	Trần Thị Như Ý		Nữ	25/10/2002	Thừa Thiên Huế	2,88	Khá
491	151	20D4050707	Nguyễn Lê Thị Hoài Phương		Nữ	20/11/2002	Quảng Trị	3,54	Giỏi
492	152	20Q4050041	Trần Thị Tươi		Nữ	25/04/2002	Quảng Trị	3,15	Khá
Ngành Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, khóa 2020 - 2024									
493	1	20D4060017	Huỳnh Quốc Khánh		Nam	19/11/2002	Thừa Thiên Huế	2,80	Khá
494	2	20D4060025	Trương Thị Yến Nhi		Nữ	10/05/2002	Thừa Thiên Huế	3,36	Giỏi
495	3	20D4060029	Lê Thị Ny		Nữ	03/03/2002	Thừa Thiên Huế	2,94	Khá
496	4	20D4060033	Lê Thị Mai Phương		Nữ	22/04/2001	Thừa Thiên Huế	3,03	Khá
497	5	20D4060035	Trương Bảo Quyền		Nam	22/10/2002	Thừa Thiên Huế	3,31	Giỏi
498	6	20D4060039	Hoàng Bá Ngọc Sơn		Nam	31/07/2002	Thừa Thiên Huế	2,88	Khá
499	7	20D4060042	Bùi Khắc Bảo Thắng		Nam	03/07/2002	Thừa Thiên Huế	3,37	Giỏi
500	8	20D4060045	Trần Thị Minh Thư		Nữ	11/07/2002	Thừa Thiên Huế	2,93	Khá
501	9	20D4060051	Lê Ngọc Bích Trâm		Nữ	08/12/2002	Thừa Thiên Huế	2,75	Khá
502	10	20D4060052	Huỳnh Thị Đài Trang		Nữ	09/04/2002	Thừa Thiên Huế	2,97	Khá
503	11	20D4060057	Bùi Bạch Khánh Trinh		Nữ	23/06/2002	Thừa Thiên Huế	3,08	Khá
504	12	20D4060058	Đỗ Thị Uyên		Nữ	03/02/2002	Quảng Bình	3,36	Giỏi
505	13	20D4060059	Nguyễn Thị Thu Uyên		Nữ	25/05/2002	Thừa Thiên Huế	3,73	Xuất sắc
506	14	20D4060065	Hồ Nguyễn Thái Vũ		Nam	09/11/2002	Thừa Thiên Huế	3,55	Giỏi
507	15	20D4060066	Hà Thị Lê Ý		Nữ	27/04/2002	Thừa Thiên Huế	3,42	Giỏi
508	16	20D4060067	Lê Thị Yến		Nữ	26/08/2002	Thừa Thiên Huế	3,26	Giỏi
509	17	20D4060069	Nguyễn Thị Yến		Nữ	02/02/2002	Thừa Thiên Huế	3,38	Giỏi
510	18	20D4060075	Trần Ngọc Ánh		Nữ	23/04/2002	Thừa Thiên Huế	3,74	Xuất sắc
511	19	20D4060098	Trần Thị Mỹ Duyên		Nữ	28/02/2002	Thừa Thiên Huế	3,53	Giỏi
512	20	20D4060102	Trương Văn Hải		Nam	24/04/2002	Thừa Thiên Huế	2,92	Khá
513	21	20D4060108	A Rất Hào		Nữ	14/10/2002	Quảng Nam	3,25	Giỏi
514	22	20D4060111	Nguyễn Duy Hoàng		Nam	23/08/2002	Thừa Thiên Huế	3,27	Giỏi
515	23	20D4060112	Nguyễn Bảo Hoàng		Nam	10/01/2002	Thừa Thiên Huế	3,14	Khá
516	24	20D4060114	Lê Nhật Hoàng		Nam	02/07/2002	Thừa Thiên Huế	3,10	Khá
517	25	20D4060133	Trần Thị Ngọc Linh		Nữ	20/10/2002	Quảng Bình	3,32	Giỏi
518	26	20D4060144	Trần Thị Kiều My		Nữ	05/09/2002	Thừa Thiên Huế	3,42	Giỏi

STT	TT	MSSV	Họ và tên sinh viên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại TN
519	27	20D4060147	Võ Thị Thanh	Nga	Nữ	03/09/2002	Quảng Trị	2,75	Khá
520	28	20D4060153	Nguyễn Thị Thu	Nhân	Nữ	07/05/2002	Thừa Thiên Huế	3,25	Giỏi
521	29	20D4060169	Trần Phước	Phúc	Nam	19/12/2002	Thừa Thiên Huế	3,03	Khá
522	30	20D4060176	Nguyễn Hữu	Quang	Nam	03/08/2002	Thừa Thiên Huế	3,12	Khá
523	31	20D4060181	Trương Thị Nhật	Quỳnh	Nữ	18/05/2002	Thừa Thiên Huế	3,06	Khá
524	32	20D4060187	Từ Thị Thanh	Tâm	Nữ	27/01/2002	Quảng Bình	3,33	Giỏi
525	33	20D4060201	Trần Thị Anh	Thư	Nữ	10/02/2001	Thừa Thiên Huế	3,25	Giỏi
526	34	20D4060204	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	Nữ	21/06/2002	Thừa Thiên Huế	3,32	Giỏi
527	35	20D4060209	Phan Thị Bảo	Trâm	Nữ	22/04/2002	Thừa Thiên Huế	3,17	Khá
528	36	20D4060227	Trần Nguyễn Phương	Uyên	Nữ	16/04/2002	Thừa Thiên Huế	3,67	Xuất sắc
Ngành Du lịch điện tử, khóa 2020 - 2024									
529	1	20D4070001	Đặng Thị Hồng	Anh	Nữ	21/05/2002	Thừa Thiên Huế	3,70	Xuất sắc
530	2	20D4070012	Phạm Anh	Đặng	Nam	26/09/2002	Quảng Bình	2,87	Khá
531	3	20D4070018	Ngô Thị Mỹ	Huyền	Nữ	09/07/2002	Thừa Thiên Huế	3,09	Khá
532	4	20D4070020	Nguyễn Thị Quỳnh	Long	Nữ	30/06/2002	Quảng Bình	3,32	Giỏi
533	5	20D4070024	Thái Thị Mỹ	Ngọc	Nữ	20/02/2002	Thừa Thiên Huế	3,02	Khá
534	6	20D4070031	Huỳnh Văn Trung	Thông	Nam	28/05/2002	Thừa Thiên Huế	3,07	Khá
535	7	20D4070032	Đặng Thị Hoài	Thương	Nữ	15/12/2002	Quảng Bình	3,03	Khá
Ngành Quản trị du lịch và khách sạn, khóa 2020 - 2024									
536	1	20D4080004	Lâm Ngân	Đình	Nam	05/08/2002	Đài Loan	3,70	Xuất sắc
537	2	20D4080014	Phan Viết Hạnh	Nhân	Nữ	04/08/2002	Thừa Thiên Huế	3,71	Xuất sắc
538	3	20D4080019	Nguyễn Khoa Anh	Thị	Nữ	07/08/2002	Thừa Thiên Huế	3,70	Xuất sắc
539	4	20D4080028	Võ Thị Kim	Ánh	Nữ	27/08/2002	Quảng Trị	3,54	Giỏi
540	5	20D4080029	Nguyễn Văn Thành	Đạt	Nam	20/04/2002	Thừa Thiên Huế	3,19	Khá
541	6	20D4080040	Doãn Hữu	Lộc	Nam	12/11/2002	Nghệ An	3,11	Khá
542	7	20D4080041	Lê Thị Khánh	Ly	Nữ	16/02/2002	Thừa Thiên Huế	3,50	Giỏi
543	8	20D4080045	Đặng Thị Huyền	My	Nữ	19/11/2002	Quảng Trị	3,58	Giỏi
544	9	20D4080046	Ngô Thị Vân	Nhi	Nữ	13/02/2002	Thừa Thiên Huế	3,63	Xuất sắc
545	10	20D4080047	Phan Thị Mỹ	Nhiên	Nữ	20/11/2002	Thừa Thiên Huế	3,54	Giỏi
546	11	20D4080048	Đặng Văn	Phi	Nam	15/10/2002	Thừa Thiên Huế	3,30	Giỏi

STT	TT	MSSV	Họ và tên sinh viên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại TN
547	12	20D4080053	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Nữ	15/04/2002	Thừa Thiên Huế	3,61	Xuất sắc
548	13	20D4080059	Lê Nguyễn Quỳnh Thi	Nữ	15/04/2002	Thừa Thiên Huế	3,98	Xuất sắc
549	14	20D4080066	Nguyễn Thị Thúy Trang	Nữ	11/01/2002	Thừa Thiên Huế	3,70	Xuất sắc
550	15	20D4080068	Trần Ngọc Trung	Nam	05/01/2002	Quảng Nam	3,39	Giỏi
551	16	20D4080069	Đậu Anh Văn	Nam	20/04/2002	Nghệ An	3,12	Khá
552	17	20D4080071	Bùi Thị Yến Vy	Nữ	13/03/2002	Quảng Nam	3,63	Xuất sắc
553	18	20D4080077	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Nữ	07/02/2002	Thừa Thiên Huế	3,86	Xuất sắc

Danh sách này gồm có 553 sinh viên./.